TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ VIỆT NAM

TS. Lê Việt Trung[1], ThS. Phạm Văn Chất[2]
[1]Viện Dầu khí Việt Nam
[2]Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)
Email: trunglv@vpi.pvn.vn

Tóm tắt

Bài báo phân tích và đánh giá vai trò của Ngành Dầu khí, mà đại diện là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời phân tích sự thay đổi, phát triển của lĩnh vực dầu khí trong thời gian gần đây. Nội dung phân tích bao gồm hầu hết các hoạt động đóng góp vào sự phát triển kinh tế Việt Nam và các hoạt động của Petrovietnam theo chuỗi giá trị dầu khí.

Từ khóa: *Dầu khí, Petrovietnam.*

Giới thiệu

Theo số liệu thống kê của BP, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 28 trên tổng số 52 nước trên thế giới có tài nguyên dầu khí. Tính đến hết năm 2013, trữ lượng dầu thô xác minh của Việt Nam vào khoảng 4,4 tỷ thùng đứng thứ nhất trong khu vực Đông Nam Á, còn lượng khí xác minh của Việt Nam vào khoảng 0,6 nghìn tỷ m^3, đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia và Malaysia) [1].

Kể từ khi tấn dầu đầu tiên được khai thác vào năm 1986 tại mỏ Bạch Hổ, trải qua gần ba thập kỷ, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) đã có bước trưởng thành vượt bậc về mọi mặt để trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh của quốc gia. Petrovietnam đã có một vị trí quan trọng, là một mũi nhọn trọng yếu của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, hàng năm đóng góp trung bình 25 - 30% tổng thu ngân sách Nhà nước. Petrovietnam đã đưa Ngành Dầu khí Việt Nam có vị trí trong cộng đồng các quốc gia khai thác dầu khí trên thế giới, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đến nay, Petrovietnam đã xây dựng được hệ thống công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh, đồng bộ từ khâu tìm kiếm thăm dò, khai thác - phát triển công nghiệp khí đến chế biến dầu khí và dịch vụ dầu khí.

Trong bài báo này, nhóm tác giả sẽ phân tích và đánh giá vai trò của Ngành Dầu khí mà đại diện là Petrovietnam trong nền kinh tế quốc dân, phân tích sự thay đổi, phát triển của lĩnh vực dầu khí trong những năm gần đây. Các nội dung phân tích bao gồm hầu hết các hoạt động đóng góp vào sự phát kinh tế Việt Nam và các hoạt động của Petrovietnam theo chuỗi giá trị dầu khí.

1. Vai trò của Ngành Dầu khí đối với nền kinh tế Việt Nam

Ngành Dầu khí là một ngành kinh tế trọng điểm bao gồm các đơn vị như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), có đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước. Ngành Dầu khí nói chung và Petrovietnam nói riêng luôn có những đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách Nhà nước, chiếm tỷ trọng cao trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài mang vốn và công nghệ hiện đại vào Việt Nam.

1.1. Đóng góp vào GDP và nộp ngân sách Nhà nước

Trong những năm qua, Petrovietnam luôn duy trì vai trò là đầu tàu kinh tế của đất nước. Trong khi khối doanh nghiệp Nhà nước đóng góp khoảng 42% GDP của cả nước, riêng Petrovietnam đã chiếm khoảng 16 - 18% GDP, mức cao nhất so với cả nước trong giai đoạn 2008 - 2015 (Bảng 1).

Về đóng góp ngân sách, thu từ dầu thô mang lại bình quân 13,6% tổng thu ngân sách hàng năm trong giai đoạn 2009 - 2013, kể từ khi Petrovietnam có nhà máy lọc dầu. Trong các năm trước đó, thu từ dầu thô luôn mang lại trên 20% tổng thu ngân sách. Trong khi đó, thu ngân sách từ tất cả các doanh nghiệp Nhà nước (không kể Ngành Dầu khí) chỉ chiếm khoảng 15 - 16%; hơn nữa, nguồn đóng góp ngân sách của Petrovietnam cao hơn rất nhiều so với đóng góp từ tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân. Đến cuối năm 2014 và đầu năm 2015, khi cả thế giới đều bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm của giá dầu, thì nguồn thu từ dầu thô vẫn chiếm tỷ trọng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, nguồn thu từ dầu thô đạt 98,1 nghìn tỷ đồng, đóng góp 12,1% tổng ngân sách Nhà nước

Bảng 1. *Đóng góp của Petrovietnam trong nền kinh tế quốc dân [2 - 9]*

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu hợp nhất của Petrovietnam (nghìn tỷ đồng)	127,0	137,0	235,0	325,0	363,0	390,0	366,0	311,0
GDP (nghìn tỷ đồng)	1.477,7	1.700,5	1.980,8	2.537,5	2.978,2	3.139,6	3.937,0	4.192,9
Đóng góp của Petrovietnam trong GDP (%)	18,9	16,0	24,0	26,6	25,9	24,3	9,3	7,4
Nộp Ngân sách của Petrovietnam (nghìn tỷ đồng)	121,8	88,0	110,4	160,8	186,3	195,4	189,4	115,1
Đóng góp của Petrovietnam trong ngân sách (%)	29,2	22,6	27,9	27,1	24,4	24,1	23,3	13,0
Đóng góp của thu từ dầu thô trong thu ngân sách (%)	24,0	12,9	14,4	11,5	18,3	12,1	12,1	7,1

Bảng 2. *Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu theo các ngành*

Đơn vị: %

Năm	2005	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Dầu thô	26,41	21,42	14,56	9,37	10,36	9,70	7,21	4,79	2,34
Giày dép	10,89	9,87	9,57	9,55	9,37	8,58	8,38	6,81	7,39
Dệt may	17,10	18,87	21,31	20,90	18,91	17,04	17,90	13,84	13,93
Thủy sản	9,79	9,33	10,00	9,36	8,75	7,20	6,68	5,24	4,06
Khác	35,81	40,51	44,56	50,82	52,61	57,48	59,83	69,32	72,28
Tổng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

(Nguồn: Niên giám Thống kê 2011 và 2015)

trong năm 2014. Tuy nhiên do ảnh hưởng của sụt giảm giá dầu trong năm 2015, con số này đã giảm mạnh chỉ còn 62,4 nghìn tỷ đồng và đóng góp 7,1% tổng ngân sách Nhà nước năm 2015.

Về doanh thu hợp nhất: Từ cuối năm 2007 và đặc biệt trong năm 2008, thế giới đã chứng kiến sự biến động khó lường của giá dầu thô, giá dầu từ mức 90USD/thùng vào cuối năm 2007, đã lên trên 147USD/thùng vào tháng 7 năm 2008, sau đó giá dầu bất ngờ giảm nhanh, đến cuối năm 2008 giá dầu chỉ còn gần 50USD/thùng, tương ứng giảm gần 70% so với giá trị lúc đạt đỉnh. Từ đầu năm 2009, giá dầu đã trải qua nhiều đợt biến động và đạt trung bình 64USD/thùng. Trong điều kiện khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và giá dầu thô giảm mạnh, doanh thu hợp nhất năm 2009 của Petrovietnam vẫn đạt 137 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2008. Trong năm 2010, Petrovietnam đã có bước phát triển vượt bậc khi đạt doanh thu hợp nhất tới 235 nghìn tỷ đồng, mức cao đột biến trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang suy thoái, đóng góp 24% cho GDP. Đến hết năm 2012, doanh thu hợp nhất của Petrovietnam tăng 12% so với năm 2011 đạt 363 nghìn tỷ đồng, tổng giá trị nộp ngân sách đạt 186,3 nghìn tỷ đồng chiếm 24,4% tổng thu ngân sách của cả nước. Năm 2013 doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tăng 7% so với năm 2012, đạt 390 nghìn tỷ đồng và nộp ngân sách Nhà nước tăng thêm 9.100 tỷ đồng. Tuy nhiên mức doanh thu hợp nhất giảm 6% trong năm 2014 còn 366 nghìn tỷ đồng và tiếp tục giảm mạnh 15% trong năm 2015 do chịu ảnh hưởng từ sự sụt giảm giá dầu toàn cầu. Doanh thu hợp nhất của Petrovietnam đạt 311 nghìn tỷ đồng và đóng góp 115,1 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước trong năm 2015.

1.2. Kim ngạch xuất nhập khẩu

Dầu thô là sản phẩm quan trọng và có vị trí chiến lược trong các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Ngoại tệ mang lại từ xuất khẩu dầu thô có ý nghĩa rất quan trọng đối với nền kinh tế nhập siêu như Việt Nam, giúp đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu, cho các giao dịch thanh toán quốc tế cũng như trả các nguồn vay nợ nước ngoài của Nhà nước. Nguồn ngoại tệ này cũng có ý nghĩa quan trọng giúp bình ổn tỷ giá, điều tiết vĩ mô và nâng cao tính thanh khoản ngoại tệ cho toàn bộ nền kinh tế Việt Nam.

Từ khi được khai thác đến nay, giá trị xuất khẩu dầu thô luôn chiếm tỷ trọng cao so với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực khác như giày dép, dệt may, thủy sản. Bảng 2 thể hiện tỷ trọng giá trị xuất khẩu một số ngành chủ lực của Việt Nam từ năm 2005 và giai đoạn 2008 - 2015.

Năm 2005, tổng giá trị xuất khẩu dầu thô chiếm 26,41% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, đạt 7,37 tỷ USD. Đến năm 2008, giá trị xuất khẩu dầu thô của Việt

Nam đạt 10,36 tỷ USD chiếm 21,42% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, năm 2015 đã giảm xuống 3,806 tỷ USD chiếm 2,34%. Số liệu trên cho thấy kim ngạch xuất khẩu dầu thô giảm mạnh trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2015 và đặc biệt giảm so với thời gian trước đó. Sự sụt giảm giá trị xuất khẩu dầu thô trong những năm qua được xác định do hai nguyên nhân chính. Thứ nhất là do sự sụt giảm sản lượng khai thác tại các mỏ lớn đặc biệt là mỏ Bạch Hổ. Thứ hai là do từ năm 2009 Nhà máy Lọc dầu Dung Quất chính thức đi vào hoạt động đã tiêu thụ một phần lượng dầu thô sản xuất nội địa. Tuy giá trị xuất khẩu giảm nhiều nhưng dầu thô vẫn là mặt hàng quan trọng trong tổng giá trị xuất khẩu của cả nước.

1.3. Thu hút nguồn đầu tư nước ngoài lớn vào Việt Nam

Trong thời gian qua, Ngành Dầu khí có những tác động rất tích cực tới quá trình thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Trong giai đoạn 1988 - 2014, rất nhiều công ty dầu khí nước ngoài từ Mỹ, Nhật Bản, Nga, Anh, Malaysia, Canada, Australia… đã thực hiện đầu tư vào lĩnh vực tìm kiếm thăm dò khai thác tại Việt Nam, thông qua các loại hợp đồng dầu khí khác nhau. Tổng số hợp đồng đã ký là 102 hợp đồng, trong đó, 63 hợp đồng còn hiệu lực. Tính cho cả giai đoạn 1988 - 2012, Ngành Dầu khí chiếm khoảng 4,6% về tổng số dự án đầu tư nước ngoài của cả nước nhưng mang lại trên 17% tổng vốn đầu tư nước ngoài (khoảng 30,5 tỷ USD). Thông qua các hình thức đầu tư này, hàng loạt các công trình lớn thuộc các lĩnh vực khí, điện, lọc hóa dầu, dịch vụ đã được đưa vào vận hành phục vụ cho phát triển nền kinh tế quốc dân và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện nay, Việt Nam có trên 40 công ty dầu khí nước ngoài đang đầu tư vào các khâu thượng nguồn, trung nguồn và hạ nguồn. Trong số đó, nhiều công ty dầu khí lớn đang hợp tác với Petrovietnam chủ yếu trong khâu thượng nguồn (tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí) như Chevron, KNOC (Hàn Quốc), Gazprom (Nga), Petronas (Malaysia), PTTEP (Thái Lan), Talisman (trước đây là một công ty của Canada, nay đã được Công ty Repsol của Tây Ban Nha mua lại), ExxonMobil (Mỹ), Total và Neon Energy (Pháp). Các công ty phần lớn đầu tư dưới hình thức góp vốn với Petrovietnam để thực hiện các hợp đồng dầu khí. Ngoài ra, Petrovietnam còn kết hợp với Gazprom thành lập Công ty Vietgazprom với nhiệm vụ chính là thăm dò dầu khí tại Nga và Việt Nam.

Petrovietnam ngoài vai trò là đại diện nước chủ nhà quản lý hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí còn tham gia với vai trò nhà đầu tư (bình đẳng như các công ty dầu khí nước ngoài khác) trong hầu hết các hợp đồng, dự án tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí trong nước. Tùy thuộc vào đặc thù của từng hợp đồng mà tỷ lệ tham gia của Petrovietnam có sự khác nhau (phổ biến trong khoảng từ 25 - 50%) và thời điểm góp vốn cũng khác nhau.

Bên cạnh đó, Petrovietnam đã tiếp cận và nhận chuyển giao nhiều loại hình công nghệ hiện đại, đồng thời học hỏi được những phương thức quản lý tiên tiến để áp dụng vào hoạt động quản trị doanh nghiệp của mình. Đến nay đội ngũ cán bộ của Petrovietnam đã có thể tham gia điều hành các dự án lớn, dự án trọng điểm, hoặc tự lực trong các hoạt động thăm dò khai thác, vận chuyển khí và phát triển hộ tiêu thụ khí (điện, đạm...). Petrovietnam cũng được đánh giá là Tập đoàn có nhiều thành tựu về khoa hoa học công nghệ và dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực khoan, để trở thành nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí cho quốc tế. Đây là một trong những bước tiến quan trọng giúp Petrovietnam nói riêng và Việt Nam nói chung hòa nhập nhanh chóng vào cộng đồng dầu khí và kinh tế quốc tế.

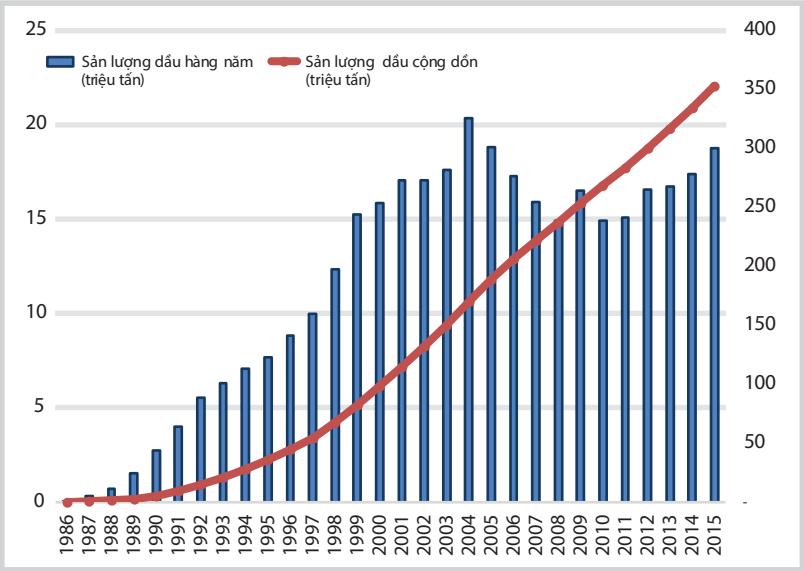
2. Hoạt động tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí

2.1. Tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí

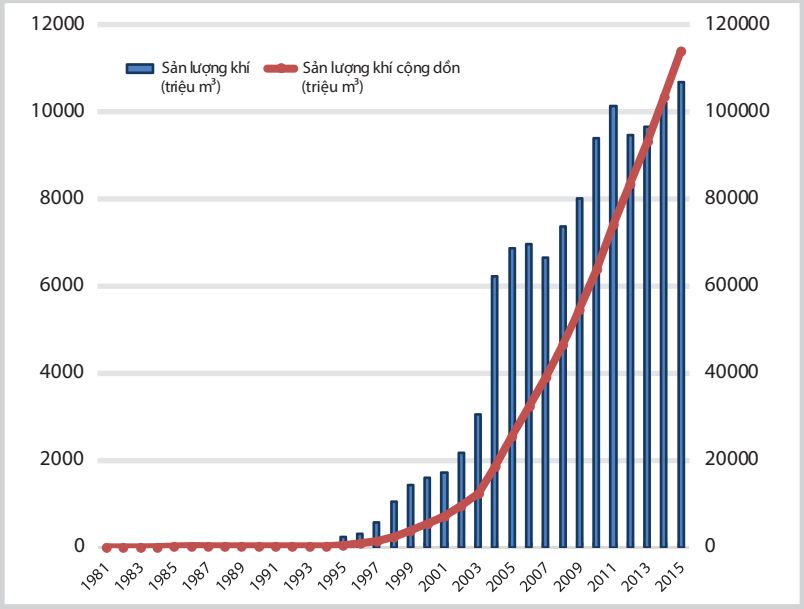
Hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí của Petrovietnam đã được triển khai từ rất sớm (năm 1961), chủ yếu được thực hiện với sự giúp đỡ của Liên Xô tại phía Bắc. Sau khi Việt Nam có chính sách đổi mới năm 1986 và ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987, công tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí được triển khai mạnh mẽ, nhất là trên thềm lục địa. Nhiều công ty đã phát hiện dầu khí như Total ở vịnh Bắc Bộ, Shell ở biển miền Trung, ONGC và BP ở bể trầm tích Nam Côn Sơn…

Trong giai đoạn đầu, hoạt động tìm kiếm thăm dò chủ yếu do các công ty dầu khí nước ngoài thực hiện và Petrovietnam chỉ chính thức góp vốn đầu tư khi có phát hiện thương mại. Đến nay, Petrovietnam đã có thể tự thực hiện tìm kiếm thăm dò dầu khí bằng cách tự lực hoặc hợp tác với đối tác nước ngoài, không chỉ thực hiện với các lô có tiềm năng gần bờ mà còn thực hiện tìm kiếm thăm dò tại các lô nước sâu, xa bờ. Nhờ đó, hàng năm Petrovietnam đều có trữ lượng dầu khí gia tăng. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015, trữ lượng dầu khí gia tăng của Petrovietnam lần lượt là 43; 35,6; 48,32; 40,5 triệu tấn quy dầu.

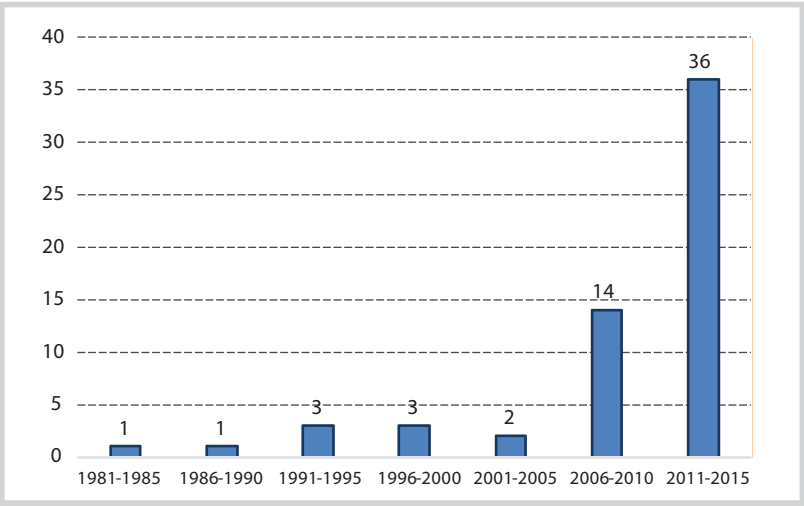
Việt Nam bắt đầu khai thác khí từ năm 1981 (mỏ khí Tiền Hải C - Thái Bình) và khai thác dầu cùng với khí đồng



Hình 1. *Sản lượng khai thác dầu thô hàng năm giai đoạn 1986 - 2015*



Hình 2. *Sản lượng khai thác khí hàng năm giai đoạn 1986 - 2015*



Hình 3. *Số mỏ đưa vào khai thác trong mỗi chu kỳ 5 năm [8]*

hành từ năm 1986 (mỏ Bạch Hổ ở thềm lục địa phía Nam). Từ đó, Việt Nam bắt đầu có tên trong danh sách các nước khai thác, xuất khẩu dầu thô trên thế giới. Tính đến ngày 31/12/2015 toàn Ngành Dầu khí đã khai thác được 352,68 triệu tấn dầu và 114,03 tỷ m^3 khí cộng dồn. Trong đó, các mỏ dầu trong đá móng chiếm tới 80% trữ lượng và sản lượng khai thác dầu của Việt Nam. Trong giai đoạn 1986 - 2013, sản lượng khai thác dầu, khí đã tăng lên đáng kể, trung bình đạt trên 16 triệu tấn dầu thô/năm, sản lượng khí cũng đạt trên 7 tỷ m^3/năm, tương đương 0,5% sản lượng dầu thô và 0,2% tổng sản lượng khí toàn thế giới. Riêng năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã khai thác được 17,39 triệu tấn dầu thô và 10,21 tỷ m^3 khí. Sản lượng dầu thô tăng lên 18,75 triệu tấn trong năm 2015, đồng thời sản lượng khí khai thác cũng tăng lên và đạt 10,67 tỷ m^3.

Số liệu trong Hình 1 cho thấy sản lượng khai thác dầu thô của cả nước tăng ổn định từ sau chính sách đổi mới năm 1986 và đạt đỉnh vào năm 2004 với trên 20 triệu tấn/năm. Tuy nhiên sản lượng khai thác dầu thô bắt đầu đi xuống từ năm 2005 do sản lượng từ các mỏ lớn như mỏ Bạch Hổ, mỏ Rồng suy giảm mạnh và việc đưa nhiều mỏ nhỏ vào khai thác không thể bù đắp được mức sụt giảm này. Giai đoạn từ năm 2006 - 2010 đã có 14 mỏ nhỏ được đưa vào khai thác nhưng sản lượng khai thác chỉ tăng nhẹ trong năm 2009 sau đó tiếp tục đà sụt giảm. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015, 36 mỏ và công trình dầu khí đã được đưa vào khai thác, trong đó 26 mỏ/công trình trong nước, 10 mỏ/công trình ở nước ngoài. Công tác tìm kiếm thăm dò hiện nay phải tiến hành tại những khu vực xa bờ và nước sâu nên chi phí lớn và mất nhiều thời gian hơn, các phát hiện dầu khí gần đây chủ yếu là các mỏ có trữ lượng nhỏ.

Hình 2 thể hiện sản lượng khai thác khí của Petrovietnam đến năm 2015. Từ năm 1986 đến năm 1997 sản lượng khai thác khí tăng không đáng kể, đà tăng

mạnh diễn ra trong giai đoạn từ năm 1997 đến nay. Theo số liệu thống kê của Petrovietnam, tính đến tháng 12/2015 tổng sản lượng khai thác khí đạt trên 111,88 tỷ m^3, riêng năm 2015 đạt 10,67 tỷ m^3, mức cao nhất kể từ năm 1981 đến nay.

2.2. Các mỏ dầu khí tại Việt Nam

Tính đến cuối năm 2013, trong nước có 9 lô hợp đồng có hoạt động phát triển mỏ và 13 hợp đồng có hoạt động khai thác dầu khí (từ 14 mỏ/cụm mỏ dầu và 6 mỏ/cụm mỏ khí). Toàn Ngành đã khai thác được 268,31 triệu tấn dầu thô; trong đó, sản lượng khai thác từ Vietsopetro đạt 189,9 triệu tấn, sản lượng khai thác từ PVEP đạt 78,3 triệu tấn. Riêng năm 2013, sản lượng khai thác dầu thô là 15,25 triệu tấn, khí là 9,75 tỷ m^3; năm 2014 sản lượng khai thác dầu thô đạt 17,39 triệu tấn, khí đạt 10,21 tỷ m^3. Đặc biệt trong năm 2015, mức sản lượng vẫn tiếp tục tăng và duy trì ở mức cao, dầu thô đạt 18,75 triệu tấn, khí 10,67 tỷ m^3.

Thông qua hoạt động phát triển, khai thác, trình độ kỹ thuật - công nghệ của Petrovietnam đã được nâng lên, có khả năng điều hành công tác phát triển, khai thác các mỏ dầu khí ở khu vực nước sâu và xa bờ. Đặc biệt, Petrovietnam đã phát hiện và tổ chức khai thác thành công, có hiệu quả các thân dầu trong đá móng trước Đệ Tam; mở ra một chương mới cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam; đồng thời đã có những đóng góp quan trọng cho khoa học công nghệ dầu khí cũng như công nghệ khai thác dầu trong đá móng của thế giới.

Những năm qua, Ngành Dầu khí Việt Nam đã nỗ lực đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ. Quá trình tìm kiếm thăm dò trong giai đoạn 2011 - 2015 đã đưa được 36 mỏ và công trình dầu khí mới vào khai thác. Trong đó, năm 2011 có 3 mỏ trong nước: Đại Hùng pha 2, Tê Giác Trắng, Chim Sáo và 2 mỏ nước ngoài: Visovoi, Dana. Năm 2012 có 7 mỏ/công trình được đưa vào khai thác bao gồm 4 mỏ/công trình trong nước: giàn H4 mỏ Tê Giác Trắng, mỏ Gấu Trắng, Sư Tử Trắng, Lan Đỏ và 3 mỏ ở nước ngoài: mỏ Tây Khosedayu, mỏ Junin 2, mỏ Nagumanov. Năm 2013 và 2014 số lượng mỏ đưa vào khai thác tăng mạnh và đạt 9 mỏ mỗi năm. Năm 2015 chỉ có 4 mỏ mới được đưa vào khai thác, đó là mỏ khí Thái Bình, mỏ Bir Seba Lô 433a-416b, giàn H5 Tê Giác Trắng và giàn Thỏ Trắng 2. Bên cạnh quá trình tìm kiếm thăm dò này còn triển khai công tác phát triển mỏ đối với các mỏ Sư Tử Trắng, giai đoạn 2 phát triển mỏ Đại Hùng, mỏ Hải Thạch - Mộc Tinh - Lô 05-2 và 05-3, mỏ Tê Giác Trắng - Lô 16-1, mỏ Hải Sư Trắng và Hải Sư Đen - Lô 15-2/01, mỏ Chim Sáo, Dừa - Lô 12W. Tuy nhiên các mỏ dầu này đều có trữ lượng nhỏ (mỏ dầu lớn nhất trong số các mỏ mới phát hiện là mỏ Sư Tử Đen với trữ lượng khoảng 100 triệu tấn, chỉ bằng 1/3 mỏ Bạch Hổ).

2.3. Các dạng hợp đồng dầu khí

Việt Nam đã ký hợp đồng dầu khí theo các hình thức hợp đồng chia sản phẩm (PSC), hợp đồng dầu khí (PC - với sự tham gia của Công ty Điều hành chung - JOC), hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và Liên doanh (JV). Đa số các diện tích thăm dò khai thác dầu khí của các hợp đồng đã ký thuộc 3 bể trầm tích Nam Côn Sơn (32), Sông Hồng (23) và Cửu Long (19). Các công ty dầu khí nước ngoài lớn như ExxonMobil, Shell, Chevron... hiện đang hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức hợp đồng PSC với đại diện của nước sở tại là Petrovietnam. Với loại hợp đồng này, Petrovietnam sẽ tránh được rủi ro khi không có phát hiện thương mại, đồng thời có cơ hội học hỏi được công nghệ cao áp dụng trong ngành công nghiệp dầu khí, đào tạo nguồn nhân lực và đóng góp đáng kể vào ngân sách quốc gia. Theo hình thức PSC, các bên cử ra nhà điều hành hợp đồng, đa số là một công ty dầu khí nước ngoài. Theo loại hợp đồng PC, Petrovietnam sẽ tham gia quản lý mỏ cùng với các công ty dầu khí nước ngoài thông qua một công ty điều hành chung. Hợp đồng BCC vẫn là hợp đồng phân chia sản phẩm nhưng khác về đối tượng điều hành, quản lý; theo đó, bên nào đóng góp nhiều cổ phần hơn sẽ được điều hành. Tính đến hết năm 2013, Việt Nam có khoảng 100 hợp đồng dầu khí, trong đó 90% hợp đồng PSC, còn lại là JOC và BCC. Riêng năm 2015 chỉ có một hợp đồng dầu khí mới được ký kết, nâng tổng số hợp đồng trong giai đoạn 2011 - 2015 lên 34 hợp đồng.

3. Chế biến dầu khí

Chế biến dầu khí là một trong những lĩnh vực hoạt động chính, đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển của Ngành Dầu khí Việt Nam, với mục đích nâng cao giá trị tài nguyên dầu khí, tiết kiệm ngoại tệ và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao vị thế cạnh tranh của Ngành Dầu khí Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm 2001 khởi công xây dựng các nhà máy đạm, đến năm 2004, Petrovietnam có nhà máy đầu tiên đi vào hoạt động là Nhà máy Đạm Phú Mỹ (công suất 800 nghìn

Bảng 3. *Khả năng sản xuất và cung ứng thị trường các sản phẩm chế biến dầu khí chính của Petrovietnam*

Sản phẩm	Khả năng sản xuất (nghìn tấn)						Nhu cầu nội địa (nghìn tấn)						% đáp ứng nhu cầu trong nước					
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2010	2011	2012	2013	2014	2015 (Số dự tính)
LPG	552	578	569	707	672	750	1.115	1.125	1.367	1.465	1.483	1.701	49,5	50	41,6	48	45	44
Xăng	1.820,16	1.840,81	2.029,25	2.232,17	1.790,76	1.896,1	4.502	4.783	5.034	5.243,04	5.457,27	5.632,94	40	38	40	43	33	33,7
Dầu DO	2.801,72	2.949,38	3.251,29	3.576,42	2.869,19	3.037,96	7.297	7.606	8.006	8.395,5	8.811,8	9.284,36	38	39	41	43	33	32,7
Jet A1	106,128	107,332	118,319	130,151	104,414	110,556	910	967	1.018	1.078,72	1.151,46	1.248,21	12	11	12	12	9	8,9
Dầu hỏa (FO)	178,89	180,92	199,44	219,384	176,001	186,354	2.071	2.200	2.314	2.395,91	2.341,37	2.404,19	9	8	9	9	8	7,8
Đạm urea	807	920	1.724	1.602	1.525	1.600	1.928	2.175	2.042	2.105	2.200	2.874	41,9	42,3	84,4	76	69	55,7

Nguồn: Tổng hợp từ các nguồn khác nhau của EMC

tấn/năm). Tiếp đó, Nhà máy Đạm Cà Mau với công suất 800 nghìn tấn/năm được xây dựng và đưa vào hoạt động năm 2012.

Năm 2009 đánh dấu bước tiến quan trọng trong hoạt động chế biến dầu khí của Petrovietnam khi nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam - Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, đi vào hoạt động với công suất 6,5 triệu tấn/năm. Nhà máy Lọc dầu Dung Quất bắt đầu vận hành thử vào tháng 2/2009 và có sản phẩm thương mại từ tháng 5/2010. Từ đây, Petrovietnam có đầy đủ các hoạt động của chuỗi giá trị dầu khí, từ tìm kiếm thăm dò đến chế biến dầu khí. Hiện tại, Nhà máy Lọc Hóa dầu Nghi Sơn với công suất 10 triệu tấn/năm cũng đang được triển khai xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành năm 2017. Như vậy, khi nhà máy này đi vào vận hành có thể đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu trong nước. Ngoài ra, Petrovietnam đã và đang triển khai hàng loạt dự án mới về lọc dầu - hóa dầu - nhiên liệu sinh học cũng như nghiên cứu mở rộng và nâng cấp Nhà máy Lọc dầu Dung Quất nhằm đáp ứng nhu cầu xăng dầu, nguyên liệu và sản phẩm hóa dầu trong cả nước.

Với việc triển khai thành công các dự án thuộc lĩnh vực chế biến dầu khí, Petrovietnam đã có khả năng sản xuất các sản phẩm thiết yếu như xăng dầu, phân đạm, hạt nhựa và các hóa phẩm khác với giá trị kinh tế hàng chục nghìn tỷ đồng, đưa Việt Nam từ một nước nhập khẩu 100% các sản phẩm nói trên trở thành nước có khả năng tự sản xuất, hướng tới đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Đến năm 2015, năng lực sản xuất trong lĩnh vực chế biến dầu khí của toàn ngành dự báo sẽ gia tăng đáng kể, đáp ứng được phần lớn nhu cầu trong nước và định hướng xuất khẩu trong tương lai (Bảng 3). Tuy nhiên, các sản phẩm dầu khí trong nước sản xuất cũng đang gặp phải áp lực cạnh tranh lớn từ các sản phẩm nhập khẩu.

4. Công nghiệp khí

Với mục tiêu tối ưu hóa chuỗi giá trị khí, Petrovietnam đã đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp khí từ những năm 1990 với mục đích là thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí. Việt Nam đã hoàn thành Quy hoạch hệ thống đường ống dẫn khí quốc gia được Chính phủ phê duyệt, trong đó có tính đến kết nối với đường ống dẫn khí của các nước trong khối ASEAN. Hiện nay, Việt Nam có ba hệ thống vận chuyển và phân phối khí chính dẫn khí nối các vùng giếng ngoài khơi ở phía Nam tới các nhà máy điện và các hệ thống phân phối khí trên đất liền là Hệ thống vận chuyển và phân phối khí Nam Côn Sơn, Hệ thống vận chuyển khí PM3-Cà Mau và Hệ thống vận chuyển và phân phối khí Cửu Long [10].

Bên cạnh hệ thống các đường ống dẫn khí, Hệ thống kho chứa Thị Vải với công suất tồn chứa LPG lạnh 60.000 tấn do Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) làm chủ đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hệ thống kho Thị Vải bao gồm: hệ thống công nghệ cầu cảng nhập LPG lạnh; hệ thống tiếp nhận các sản phẩm LPG từ tàu; hệ thống kho chứa, hệ thống làm lạnh, hệ thống bồn định áp, hệ thống gia nhiệt, hệ thống bơm, máy nén hơi LPG... và các hệ thống phụ trợ khác. Đây là kho chứa LPG lạnh lớn nhất Việt Nam hiện nay, cho phép PV GAS có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, tăng khả năng cung cấp LPG về lâu dài, ổn định nguồn cung trong nước, góp phần ổn định an ninh năng lượng quốc gia.

Hệ thống tiêu thụ khí bao gồm Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, hệ thống kho, cảng nhập LPG đã được phát triển và vận hành an toàn, nhằm cung cấp ổn định nguồn khí cho phát triển công nghiệp gồm các nhà máy điện - khí của Petrovietnam, EVN, các nhà đầu tư BOT, các nhà máy sản

Bảng 4. Sản lượng tiêu thụ khí của Petrovietnam giai đoạn 2011 - 2015 [10 - 13]

	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Khí khô	triệu m^3	8.533	9.175	9.469	9.960	10.430
LPG	nghìn tấn	1.166	1.027	1.061	1.086	1.320
Condensate	nghìn tấn	58	61	62	59,5	59,8

Bảng 5. Kết quả hoạt động kinh doanh của một số đơn vị dịch vụ chủ lực [4]

Đơn vị	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)					
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Trung bình 5 năm
PTSC	30,6	20,8	23,4	20,7	13,3	22
PV Drilling	18,8	20	23,7	23,8	13,3	20
Petrosetco	25,3	17,3	15,9	18,2	13	18
DMC	25	37,2	18,7	36,3	16	27
PVE	36,8	4,3	5,2	8,4	10,3	13

xuất phân đạm; các hộ tiêu thụ khí thấp áp. Khí được cung cấp để sản xuất ra lượng điện trên 39 tỷ kWh/năm chiếm 33% sản lượng điện toàn quốc; khí được cung cấp để sản xuất đạm với sản lượng trên 1,5 triệu tấn/năm, chiếm 70 - 75% nhu cầu nội địa. Việc triển khai nhập khẩu và phân phối khí LPG và CNG cho công nghiệp và các hộ tiêu thụ dân sinh trong cả nước cũng được thực hiện nhằm góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và an ninh lương thực quốc gia.

5. Công nghiệp điện

Bên cạnh phát triển công nghiệp khí, Petrovietnam cũng đầu tư xây dựng các nhà máy điện nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Mặc dù đây là một lĩnh vực mới nhưng cũng đạt được nhiều thành công. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Petrovietnam đã hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng 5 nhà máy điện bao gồm: Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với công suất 750MW, Nhà máy Phong điện Phú Quý với công suất 6MW, Nhà máy Thủy điện Hủa Na với công suất 180MW, Nhà máy Thủy điện Đăkđrinh công suất 125MW và đặc biệt trong năm 2015, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với công suất 1.200MW đã được đưa vào hoạt động. Đây là nhà máy nhiệt điện than đầu tiên của Petrovietnam và cũng là dự án có công suất lớn nhất so với các nhà máy nhiệt điện của cả nước. Tổng công suất các nhà máy điện của Petrovietnam tính đến cuối năm 2015 đạt 4.214MW. Tổng sản lượng điện cung cấp trong giai đoạn 5 năm 2011 - 2015 cho quốc gia đạt 83,554 tỷ kWh, tốc độ tăng trung bình đạt 12,1%/năm. Riêng năm 2015, sản lượng điện cung cấp của Petrovietnam đạt 21,98 tỷ kWh, tăng 31,7% so với mức 16,69 tỷ kWh trong năm 2014. Petrovietnam đang phấn đấu để phát triển ngành công nghiệp điện, hướng đến mục tiêu năm 2020 đạt tổng sản lượng điện sản xuất chiếm 15% tổng sản lượng điện quốc gia. Đồng thời chuẩn bị kỹ về kết cấu hạ tầng, kỹ thuật và nguồn nhân lực để tham gia vào thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

6. Dịch vụ dầu khí

Dịch vụ dầu khí là một trong những lĩnh vực quan trọng của Petrovietnam. Các hoạt động dịch vụ dầu khí của Petrovietnam đang ngày càng mở rộng về quy mô và phát triển về công nghệ nhằm phục vụ cho các công trình dầu khí trong và ngoài nước. Dịch vụ dầu khí được cung cấp bởi Petrovietnam rất đa dạng, bao gồm: khảo sát địa vật lý, dịch vụ khoan, kỹ thuật giếng khoan khai thác dầu khí, xuất nhập khẩu và cung cấp các loại vật tư, thiết bị dầu khí; xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô cũng như các sản phẩm dầu; vận chuyển, tàng trữ, cung cấp và phân phối các sản phẩm dầu khí; vận hành và duy tu bảo dưỡng các công trình dầu khí; dịch vụ cung ứng và xử lý tràn dầu; thiết kế và xây lắp các công trình dầu, khí, điện, xây dựng dân dụng; vận tải biển và phục vụ hậu cần; cung cấp lao động kỹ thuật, du lịch, khách sạn… Bên cạnh đó, Petrovietnam có đơn vị cung cấp các dịch vụ bảo hiểm, thu xếp vốn tín dụng cho các dự án đầu tư, huy động vốn, tín dụng doanh nghiệp, các dịch vụ tài chính và chứng khoán. Ngoài ra, các dịch vụ trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và đào tạo cũng được Petrovietnam cung cấp như: tư vấn khoa học công nghệ; nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới trong hoạt động khai thác dầu khí; dịch vụ xử lý số liệu địa vật lý, nghiên cứu công nghệ lọc dầu…

Với số lượng dịch vụ cung cấp lớn và đa dạng, công tác dịch vụ dầu khí đã đóng góp đáng kể trong tổng thu nhập của Petrovietnam. Tổng doanh thu từ dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 đạt 1.114 nghìn tỷ đồng, chiếm 31,7% tổng doanh thu toàn Petrovietnam. Mức tăng trưởng

trong ngành dịch vụ dầu khí khá nhanh và tương đối bền vững, trong năm 2011 đạt 207,8 nghìn tỷ đồng, năm 2012 đạt 234 nghìn tỷ, năm 2013 đạt 236,3 nghìn tỷ và năm 2014 đạt 240,7 nghìn tỷ đồng. Những khó khăn từ việc suy giảm giá dầu khiến nhà thầu dầu khí cắt giảm công việc, yêu cầu giảm giá dịch vụ, cùng với những khó khăn về cạnh tranh và rào cản về bảo hộ mậu dịch, thương mại, thuế quan… khiến doanh thu từ công tác dịch vụ dầu khí sụt giảm trong năm 2015, chỉ đạt 196 nghìn tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2014. Tuy nhiên mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 - 2015 vẫn đạt 4%/năm.

7. Kết luận

Việt Nam là quốc gia có tài nguyên dầu khí và ngành công nghiệp dầu khí có nhiều đóng góp quan trọng đối với kinh tế quốc dân. Dầu khí mang lại trên 20% tổng thu ngân sách, đóng góp 16 - 18% GDP trong các năm qua. Về kim ngạch xuất nhập khẩu, dầu thô luôn là một trong bốn mặt hàng có tỷ trọng giá trị xuất khẩu cao nhất Việt Nam. Trước năm 2005, dầu thô đóng góp tới 23% kim ngạch xuất khẩu và tới nay khi các ngành khác của Việt Nam phát triển hơn (như công nghiệp hóa dầu) thì dầu thô luôn giữ mức đóng góp bình quân 7 - 8% kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Ngành công nghiệp dầu khí thu hút nguồn đầu tư nước ngoài lớn vào hoạt động tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí, điều này không chỉ giúp Việt Nam giải quyết khó khăn về vốn đầu tư mà còn giúp nâng cao kỹ năng quản lý và công nghệ trong Ngành Dầu khí, tiến tới cạnh tranh với công ty dầu khí quốc tế và thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

Ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam với đại diện là Petrovietnam đã đạt được những bước tiến lớn về khoa học kỹ thuật và công nghệ lọc hóa dầu. Nhà máy Lọc dầu Dung Quất cho dòng sản phẩm năm 2009 đã đánh dấu sự phát triển đồng bộ và toàn diện của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam. Đến nay, Ngành Dầu khí Việt Nam đã có đủ các hoạt động trong chuỗi giá trị dầu khí, bao gồm tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí, công nghiệp khí - điện, chế biến dầu khí, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, với lĩnh vực cốt lõi là tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí. Trong thời gian tới, Ngành Dầu khí Việt Nam tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, Petrovietnam tiếp tục cung ứng sản lượng đáng kể các sản phẩm lọc hóa dầu, đạm, điện cho thị trường trong nước.

Mục tiêu đặt ra cho Ngành Dầu khí là tiếp tục đóng góp lớn cho GDP và ngân sách quốc gia. Năm 2016, Petrovietnam dự kiến sẽ gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 16 - 20 triệu tấn dầu quy đổi, sản xuất 5.690 nghìn tấn xăng dầu các loại, tiến tới đáp ứng 80% nhu cầu xăng dầu trong nước. Trong tương lai gần, Petrovietnam cần đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò nhằm phát hiện thêm nhiều mỏ nhỏ bù đắp cho sự suy giảm của các mỏ khai thác dầu thô chính hiện nay. Để làm được điều đó cần có sự đầu tư lớn về vốn cho tìm kiếm, thăm dò đặc biệt tại các khu vực tiềm năng dầu khí của đất nước. Ngược lại, đối với lĩnh vực khí, việc phát hiện ra các mỏ khí lớn như mỏ Cá Voi Xanh ngoài khơi miền Trung Việt Nam được kỳ vọng sẽ thúc đẩy lĩnh vực khí phát triển trong thời gian tới (dự kiến sau năm 2020).

Để tiếp tục duy trì và phát triển, Ngành Dầu khí cần tìm ra và cải tiến những mặt yếu kém, bất cập trong tổ chức sản xuất, quản lý vốn đầu tư, công tác quản lý cán bộ và xây dựng lực lượng lao động, nhất là lao động có trình độ kỹ thuật cao. Đồng thời, sự sụt giảm giá dầu trong thời gian qua đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến Ngành Dầu khí nói chung và Petrovietnam nói riêng. Đây là thời điểm để rà soát, bổ sung chiến lược phát triển bao gồm quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển theo hướng thích nghi với tình hình thay đổi nhanh trong lĩnh vực dầu khí. Và cũng chính là giai đoạn cần đặt vấn đề hiệu quả toàn chuỗi hoạt động dầu khí và nâng cao năng lực hoạt động của toàn hệ thống lên trên hết. Làm tốt những khâu này là nhân tố quyết định để Ngành Dầu khí tiếp tục giữ vững vị trí chủ đạo của mình và cũng là nhân tố quyết định cho sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. BP. *BP statistical review of world energy (63rd edition)*. 2014.

2. Tổng cục Thống kê. *Trị giá mặt hàng xuất khẩu sơ bộ năm 2014*. 2014.

3. Bộ Tài chính Việt Nam. *Báo cáo Ngân sách Nhà nước hàng năm*. 2015.

4. Petrovietnam. *Tổng kết công tác năm 2015 và triển khai kế hoạch năm 2016*. 2016.

5. Petrovietnam. *Tổng kết công tác năm 2014 và triển khai kế hoạch năm 2015*. 2015.

6. Petrovietnam. *Tổng kết công tác năm 2013 và triển khai kế hoạch năm 2014*. 2014.

7. Petrovietnam. *Tổng kết công tác năm 2012 và triển khai kế hoạch năm 2013*. 2013.

8. Petrovietnam. *Báo cáo Thường niên*. 2011 - 2013.

9. Petrovietnam. *Nghị quyết số 7862/NQ-DKVN ngày 01/09/2010 v/v "Phê duyệt Chiến lược tăng tốc phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025"*. 2010.

10. Tổng công ty Khí Việt Nam. *Báo cáo Thường niên năm 2013*. 2013.

11. IHS. *National oil company strategies service*. 2015.

12. Petrovietnam. *Địa chất và Tài nguyên Dầu khí Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. 2007.

13. Tổng công ty Khí Việt Nam. *Vận chuyển và phân phối khí*. 2015.

14. Sài Gòn Giải phóng Online (SGGP). *Đẩy mạnh hợp tác khai thác dầu khí ở nước ngoài*. 2012.

An overview of Vietnam's oil and gas industry

Le Viet Trung[1], Pham Van Chat[2]
[1]Vietnam Petroleum Institute
[2]Petrovietnam Petrochemical and Textile Fiber Joint Stock Company
Email: trunglv@vpi.pvn.vn

Summary

The paper presents an in-depth analysis and evaluation of the role of the oil and gas industry, which is represented by the Vietnam National Oil and Gas Group (Petrovietnam), in the national economy, and analyses the changes and development of the oil and gas sector in recent years. The analysis covers most of the activities that contribute to the development of Vietnam's economy and Petrovietnam's activities along the oil and gas value chain.

Key words: *Oil and gas, Petrovietnam.*